

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP QUỐC TẾ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL TECHNOLOGY AND DYNAMIC SOLUTION CONSULTANT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110235646

3. Ngày thành lập: 18/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô số 15BT08, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977288666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
17.	Bán buôn đồ uống (Trừ đồ uống có cồn)	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ loại cấm)	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
29.	Dịch vụ đóng gói	8292
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
31.	Đào tạo trung cấp	8532
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục	8560
33.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
34.	Lập trình máy vi tính	6201
35.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

36.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật. Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử. Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin. Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu. Đào tạo công nghệ thông tin Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin; Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm; Dịch vụ tư vấn xây dựng dự án phần mềm; Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm Dịch vụ tích hợp hệ thống; Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm	6209
37.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
38.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí) Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử. mạng xã hội	6312
39.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
40.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn Bất động sản Môi giới bất động sản	6820
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020

43.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	7110
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
46.	Quảng cáo (không bao gồm các hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ Thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng, hoạt động của các nhà báo độc lập và hoạt động tư vấn chứng khoán)	7490
50.	Cho thuê xe có động cơ	7710
51.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
52.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ bán lẻ thuốc lá, thuốc láo)	4711
53.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4719
54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
56.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bia, rượu)	4723
57.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
58.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799

61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
64.	Vận tải đường ống	4940
65.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
66.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
67.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông;	5021
68.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa	5022
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
70.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
72.	Cơ sở lưu trú khác	5590
73.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	5610
74.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	5621
75.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ kinh doanh quán bar)	5629
76.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630
77.	Xuất bản phần mềm (Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm theo Luật xuất bản 2012)	5820
78.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

79.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
80.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ cho thuê máy bay)	7730
82.	Đại lý du lịch	7911
83.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa. - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài.	7912
84.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
85.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
87.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
88.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
89.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
90.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
91.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
92.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
93.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
94.	Thu gom rác thải không độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3811
95.	Thu gom rác thải độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3812
96.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3821
97.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3822
98.	Tái chế phế liệu (Chỉ được xử lý và tiêu hủy sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3830

99.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3900
100.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
101.	Xây dựng nhà không để ở	4102
102.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
103.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
104.	Xây dựng công trình điện	4221
105.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
106.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
107.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
108.	Xây dựng công trình thủy	4291
109.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
110.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
111.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất)	4299
112.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
113.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
114.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
115.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
116.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
117.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
120.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
121.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4761
122.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4762
123.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

124.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	4764
125.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
126.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
127.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRƯỜNG ĐÌNH VŨ	Việt Nam	Số 175 Đường Hàn Thuyên, Phường Vị Hoàng, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	24.000.000.000	40,000	036090027211	
2	TRẦN QUỐC TUẤN	Việt Nam	Phòng 1310, Chung cư Scitech Tower, Tổ 12, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	36.000.000.000	60,000	034079004573	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUỐC TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034079004573

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1310, Chung cư Scitech Tower, Tổ 12, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ô số 15BT08, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội